

## 【山口県】主な野菜の作付面積と収穫量

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
キャベツ	294	7,470	6,360	98	102	101
春キャベツ	104	2,910	2,560	100	109	108
夏秋キャベツ	25	578	405	nc	nc	nc
冬キャベツ	165	3,980	3,390	97	91	91
きゅうり	125	3,370	2,500	98	98	98
冬春きゅうり	10	706	638	91	94	94
夏秋きゅうり	115	2,660	1,860	98	99	100
さといも	153	1,190	927	nc	nc	nc
秋冬さといも	153	1,190	927	nc	nc	nc
その他さといも	-	-	-	nc	nc	nc
だいこん	379	10,700	7,780	97	110	111
春だいこん	68	2,440	2,080	94	118	120
夏だいこん	37	751	610	93	111	111
秋冬だいこん	274	7,480	5,090	99	108	108
たまねぎ	170	4,540	3,320	96	90	90
トマト	120	4,100	3,310	96	101	101
ミニトマト	13	357	255	108	98	90
加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
冬春トマト	23	1,270	1,090	nc	nc	nc
冬春ミニトマト	4	184	164	nc	nc	nc
夏秋トマト	97	2,830	2,220	97	100	101
夏秋ミニトマト	9	173	91	113	99	100
夏秋加工用トマト	-	-	-	nc	nc	nc
なす	119	2,180	1,590	94	102	106
冬春なす	1	29	23	nc	nc	nc
夏秋なす	118	2,150	1,570	94	103	107
にんじん	61	842	533	nc	nc	nc
春夏にんじん	9	131	54	nc	nc	nc
秋にんじん	2	26	14	nc	nc	nc
冬にんじん	50	685	465	nc	nc	nc
ねぎ	169	2,040	1,480	nc	nc	nc
春ねぎ	39	484	329	nc	nc	nc
夏ねぎ	38	335	256	nc	nc	nc
秋冬ねぎ	92	1,220	891	nc	nc	nc
はくさい	196	4,700	2,960	98	104	103
春はくさい	10	324	216	100	98	98
夏はくさい	6	162	94	nc	nc	nc
秋冬はくさい	180	4,210	2,650	98	104	104
ばれいしょ	217	2,860	1,160	nc	nc	nc
春ばれいしょ	160	2,270	909	nc	nc	nc
秋ばれいしょ	57	593	250	nc	nc	nc
ピーマン(しとう舎)	31	489	330	100	104	104
冬春ピーマン	1	15	11	nc	nc	nc
夏秋ピーマン	30	474	319	100	103	103
ほうれんそう	197	1,660	1,330	99	104	104
レタス(サラダ菜舎)	93	1,310	912	nc	nc	nc
サラダ菜	12	115	91	nc	nc	nc
春レタス(サラダ菜舎)	26	416	291	nc	nc	nc
春サラダ菜	9	81	64	nc	nc	nc
夏秋レタス(サラダ菜舎)	16	302	181	nc	nc	nc
夏秋サラダ菜	2	22	17	nc	nc	nc
冬レタス(サラダ菜舎)	51	592	440	nc	nc	nc
冬サラダ菜	1	12	10	nc	nc	nc

	作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比			
				作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)	
特 定 野 菜	アスパラガス	14	211	182	nc	nc	nc
	いちご	100	2,160	1,800	100	95	96
	えだまめ	55	299	202	nc	nc	nc
	かぶ	45	801	560	nc	nc	nc
	かぼちゃ	93	685	442	99	107	107
	カリフラワー	8	65	27	nc	nc	nc
	かんしょ	…	…		nc	nc	
	グリーンピース	5	28	16	nc	nc	nc
	ごぼう	27	289	156	nc	nc	nc
	こまつな	24	199	134	109	104	105
	さやいんげん	22	111	72	nc	nc	nc
	さやえんどう	20	58	23	nc	nc	nc
	ししとう	1	11	6	100	85	75
	冬春ししとう	-	-	-	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	1	11	6	100	85	75
	しゅんぎく	22	244	155	100	98	98
	しょうが	2	10	7	nc	nc	nc
	スイートコーン	29	201	94	nc	nc	nc
	ずいか	83	1,590	1,060	99	106	106
	セルリー	x	x	x	nc	nc	nc
	そらまめ	13	59	33	nc	nc	nc
	ちんげんさい	7	83	50	nc	nc	nc
	にら	1	7	5	nc	nc	nc
	にんにく	11	73	31	nc	nc	nc
	ふき	2	21	14	nc	nc	nc
	ブロッコリー	107	716	657	98	101	101
	みずな	6	64	43	nc	nc	nc
みつば	x	x	x	nc	nc	nc	
メロン	18	295	238	nc	nc	nc	
温室メロン	1	15	14	nc	nc	nc	
やまのいも	21	124	59	nc	nc	nc	
ながいも	-	-	-	nc	nc	nc	
れんこん	203	2,250	2,030	100	113	113	

資料：農林水産省「令和4年産野菜生産出荷統計」及び「令和4年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能